



Flashcardo.com

Vi håper at disse utskrivbare flashkortene vil være nyttige for deg. For å finne enda flere flashkortprodukter, gå til vår nettside www.flashcardo.com/nb. På Flashcardo.com tilbyr vi nettbaserte flashkort, flashkort med repetisjon over tid, videoflashkort og mye mer. Alt er gratis og klart til bruk for elever over hele verden.

Opphavsrett, lisensnotater

Denne PDF-en er beskyttet av opphavsrett, og alle rettigheter er forbeholdt. Du står fritt til å dele denne PDF-en med hvem som helst. Du har imidlertid ikke lov til å selge denne PDF-en eller innholdet i den. Hvis du har spørsmål, gå til www.flashcardo.com/nb for å komme i kontakt med oss. Tusen takk!

Ansvarsfraskrivelse

DENNE PDF-EN LEVERES "SOM DEN ER", UTEN NOEN FORM FOR GARANTI, VERKEN UTTRYKT ELLER UNDERFORSTÅTT, INKLUDERT, MEN IKKE BEGRENSET TIL, GARANTIER OM SALGBARHET, EGNETHET FOR ET BESTEMT FORMÅL OG IKKE-KRENKELSE. UNDER INGEN OMSTENDIGHETER SKAL FORFATTERNE ELLER RETTIGHETSHAVERNE HOLDES ANSVARLIGE FOR NOEN KRAV, SKADER ELLER ANNEN ANSVARLIGHET, ENTEN I EN RETTSSAK, ERSTATNINGSKRAV ELLER PÅ ANNEN MÅTE, SOM OPPSTÅR FRA, UT AV ELLER I FORBINDELSE MED PDF-EN ELLER BRUKEN ELLER ANDRE FORHOLD KNYTTET TIL PDF-EN.

Opphavsrett © 2025 Flashcardo.com. Alle rettigheter forbeholdt

Tosidig utskrift

Vennligst merk at disse flashkortene er ment å skrives ut tosidig. Hvis skriveren din ikke kan skrive ut tosidig, vennligst last ned de enkeltstående flashkort-PDF-ene for utskrift.

Grunnleggende

jeg

du

han

hun

det
han, hun

vi

dere

de

hva

hvem

hvor

hvorfor

hvordan

hvilken

når

så

hvis

virkelig

men

fordi

ikke

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

dette

det
dette

alle
generell

eller

og

her

der

venstre

høyre

nå

ettermiddag

formiddag

natt

morgen

kveld

middag
tid

midnatt

time
sekund, minutt

minutt

sekund

dag

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

uke

måned

år

i går

i dag

i morgen

mandag

tirsdag

onsdag

torsdag

fredag

lørdag

søndag

kvinne

mann

kjærlighet

kjæreste
mannlig

kjæreste
kvinnelig

venn

kyss

sex

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

barn

jente

gutt

mamma

pappa

mor

far

foreldre

sønn

datter

lillesøster

lillebror

storesøster

storebror

ektemann

kone

hver

alltid

faktisk

igjen

allerede

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

mindre

flest

mer

ingen

veldig

på utsiden

på innsiden

fjern

nær

under

over

ved siden av

foran

bak

alle
person

sammen

andre
annen

vår

sommer

høst

vinter

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

januar

februar

mars

april

mai

juni

juli

august

september

oktober

november

desember

nord

øst

sør

vest

ofte

umiddelbart

plutselig

selv om

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Tall

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

hai

một

không

năm

bốn

ba

tám

bảy

sáu

mười một

mười

chín

mười bốn

mười ba

mười hai

mười bảy

mười sáu

mười năm

hai mươi

mười chín

mười tám

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

hai mươi sáu

hai mươi hai

hai mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi mốt

ba mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi

ba mươi bảy

năm mươi

bốn mươi tám

bốn mươi bốn

năm mươi chín

năm mươi lăm

năm mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi mốt

sáu mươi

bảy mươi mốt

bảy mươi

sáu mươi sáu

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

tám mươi

bảy mươi bảy

bảy mươi ba

tám mươi tám

tám mươi bốn

tám mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi mốt

chín mươi

một trăm linh một

một trăm

chín mươi chín

một trăm năm mươi mốt

một trăm mười

một trăm linh năm

hai trăm linh sáu

hai trăm linh hai

hai trăm

ba trăm

hai trăm sáu mươi hai

hai trăm hai mươi

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

ba trăm ba mươi

ba trăm linh bảy

ba trăm linh ba

bốn trăm linh bốn

bốn trăm

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm tám mươi bốn

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm linh tám

năm trăm linh chín

năm trăm linh năm

năm trăm

sáu trăm

năm trăm chín mươi lăm

năm trăm năm mươi

sáu trăm mười sáu

sáu trăm linh sáu

sáu trăm linh một

bảy trăm linh hai

bảy trăm

sáu trăm sáu mươi

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

bảy trăm bảy mươi

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm linh bảy

tám trăm linh tám

tám trăm linh ba

tám trăm

chín trăm

tám trăm tám mươi

tám trăm ba mươi tám

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm linh chín

chín trăm linh bốn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn

chín trăm chín mươi

hai nghìn

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

một nghìn không trăm mười
hai

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn không trăm linh hai

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

bốn nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

ba nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

năm nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

bảy nghìn tám trăm chín
mười

bảy nghìn

sáu nghìn

chín nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

tám nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

mười nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

bốn mươi bốn nghìn

ba mươi nghìn ba trăm

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

một triệu

năm trăm nghìn

một trăm nghìn

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

bảy mươi triệu

mười triệu

sáu triệu

một tỷ

tám trăm triệu

một trăm triệu

hai mươi tỷ

mười tỷ

chín tỷ

một nghìn tỷ

ba trăm tỷ

một trăm tỷ

Verb

å vite

å tenke

å komme

å legge

å ta

å finne

å høre

å jobbe

å snakke

å gi
generell

å like

å hjelpe

å elske

å ringe

å vente

å stå

å sitte

å lukke

å åpne
dør

å tape

å vinne

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

å dø

å leve

å slå på

å slå av

å drepe

å skade

å røre

å se på

å drikke

å spise

å gå

å møte

å vedde

å kysse

å følge

å gifte

å svare

å spørre

å trekke
dør

å dytte

å trykke
knapp

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

å slå

å fange

å slåss

å kaste

å løpe

å lese

å skrive

å fikse

å telle

å kutte

å selge

å kjøpe

å betale

å studere

å drømme

å sove

å spille

å feire

å nyte

å vaske
generell

å skyte

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

å forsvare

å angripe

å stjele

å brenne

å redde

å fly

å spytte

å sparke

å bite

å puste

å lukte

å gråte

å synge

å smile

å le

å vokse

å krympe

å krangle

å dele

å mate

å gjemme

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhỏ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

å advare

å svømme

å hoppe

å løfte

å grave

å levere

å lete etter

å øve

å reise

å male

å åpne
lås

å låse

å vaske
klær

å be

å lage mat

å spy

å rope

å sitere

å printe

å beregne

å tjene

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Adjektiver

ny

gammel
ting

få

mange

feil

riktig

dårlig

flink

lykkelig

kort
generell

lang

liten
allminnelig

stor

vakker

ung

gammel
person

hvit

svart

rød

blå

grønn

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

gul

langsom

rask

morsom

urettferdig

rettferdig

vanskelig

lett
enkel

rik

fattig

sterk
generell

svak

trygg

sliten

stolt

mett

syk

sunn

sint

lav

høy
generell

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

søt
mat

sur

myk

hard

søt
person

dum

gal

opptatt

høy
kropp

liten
person

bekymret

overrasket

veloppdragen

ond

smart

kald

varm
veldig

oransje

grå

brun

rosa

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

kjedelig

tung

lett
vekt

ensom

sulten

tørst

trist

bratt

flat

smal

bred

dyp

grunn

enorm

skitten

ren

full
generell

tom

dyr
adjektiv

billig

sexy

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

đốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

lat

modig

sjenerøs

våt

tørr

høyt

rolig

solfylt

regnfull

tåkete

overskyet

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Sport

turn

tennis

løping

sykling

golf

fotball

basketball

svømming

dykking

fottur

maraton

triatlon

bordtennis

vektløfting

boksing

badminton

kunstløp

snowboarding

skiidrett

langrenn

ishockey

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

volleyball

håndball

sandvolleyball

rugby

cricket

baseball

Amerikansk fotball

vannpolo

stuping

surfing

seiling

roing

yoga

dans

fallskjermhopping

sjakk

poker

bowling

ballett

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Dyr

gris

ku

hest

hund

sau

ape

katt

bjørn

kylling
dyr

and

sommerfugl

bie

fisk
dyr

edderkopp

slange

tiger

mus
dyr

kanin

løve

esel

elefant

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

due

bille

mygg

flue

maur

hval

hai

delfin

snegle

frosk

panda

isbjørn

ulv

koala

kenguru

sjiraff

rev

flodhest

flaggermus

ravn

svane

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

måke

ugle

pingvin

papegøye

larve

øyenstikker

akkar

blekksprut

sjøhest

sel

manet

krabbe

dinosaur

skilpadde
land

krokodille

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Land

Europa

Asia

Amerika

Afrika

Storbritannia

Spania

Sveits

Italia

Frankrike

Tyskland

Thailand

Singapore

Russland

Japan

Israel

India

Kina

USA

Mexico

Canada

Chile

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Brasil

Argentina

Sør-Afrika

Nigeria

Marokko

Libya

Kenya

Algerie

Egypt

New Zealand

Australia

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Kropp

hode

nese

hår

munn

øre

øye

hånd

fot

hjerne

hjerne

hals

rumpe

skulder

kne

bein
underkropp

arm

mage

barm

rygg

tann

tunge

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

leppe

finger

tå

magesekk

lunge

lever

nerve

nyre

tarm

panne
kropp

hake

kinn

skjegg

tommel

lillefinger

ringfinger

langfinger

pekefinger

fingernegl

hæl

rygggrad

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

muskel

bein
knokkel

skjelett

ribbein

virvler

blære

blodåre

arterie

vagina

sperm

penis

testikkel

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Hus

dør

kjøkken

bad

stue

soverom

hage

garasje

vegg

kjeller

toalett
bygning

trapp

tak

vindu
bygning

kniv

kopp

glass

tallerken

beger

søppelbøtte

bolle

pult

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

seng

speil

dusj

sofa

bilde

klokke

bord

stol

nabo

heis

balkong

loft

skorstein

sleiv

spisepinne

bestikk

skje

gaffel

øse

gryte

panne
kjøkken

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

lyspære

bokhylle

gardin

madrass

pute

teppe
seng

hylle

skuff

garderobe

bøtte

kost

vekt

skittentøyskurv

badekar

badehåndkle

såpe

toalettpapir

håndkle

vask

stige

postkasse

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

gjerde



hàng rào

Mat

egg

ost

melk

fisk
mat

kjøtt

bein
mat

olje

brød

sukker

sjokolade

godteri

kake

vann

kaffe

te

øl

vin

salat
mat

suppe

dessert

frokost

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

lunsj

middag
mat

pizza

iskrem

smør

yoghurt

tunfisk

laks

skinke

bacon

pølse

kalkun

kylling
kjøtt

storfe

svin

lam

gresskar

sopp

trøffel

hvitløk

purre

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

ingefær

aubergine

søtpotet

gulrot

agurk

chili

paprika

løk

potet

blomkål

kål

brokkoli

salat
plante

spinat

bambus
mat

mais

selleri

ert

bønne

pære

eple

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

oliven

fiken

daddel

kokosnøtt

mandel

hasselnøtt

peanøtt

banan

mango

kiwi

avokado

ananas

vannmelon

drue

honingmelon

bringebær

blåbær

jordbær

kirsebær

plomme

aprikos

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

fersken

sitron

grapefrukt

appelsin

tomat

mynte

sitrongress

kanel

vanilje

salt
mat

pepper

karri

tobakk

tofu

eddik

nudel

soyamelk

mel

ris

havre

hvete

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

soya

nøtt

honning

syltetøy

tyggegummi

pannekake

kjeks

pudding

muffins

smultring

energidrikk

appelsinjuice

eplejuice

milkshake

cola

kakao

cocktail

rom

whisky

vodka

meny

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

sjømat

spagetti

sushi

popkorn

potetgull

kyllingvinger

pommes frites

sennep

majones

tomatsaus

sandwich

pølse i brød

burger

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Skole

bok

bibliotek

hjemmelekser

eksamen

time
skole

naturfag

historie

kunst

penn

blyant

første

andre
2.

tredje

fjerde

forskning

akademisk grad

idrettsplass

ordbok

semester

notisbok

geometri

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

politikk

filosofi

økonomi

kroppsøving

biologi

matematikk

geografi

litteratur

kjemi

fysikk

linjal

viskelær

saks

teip

lim

kulepenn

binders

3%

100%

0%

kubikkmeter

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

ba phần trăm

kẹp giấy

bút bi

mét khối

không phần trăm

một trăm phần trăm

kvadratmeter

mil

meter

millimeter

centimeter

desimeter

addisjon

subtraksjon

multiplikasjon

divisjon

areal

volum

rektangel

kvadrat

trekant

sirkel

liter

milliliter

tonn

kilo

gram

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

magnet

mikroskop

trakt

laboratorium

foredrag

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Natur

aske

ild

diamant

måne

sol

stjerne

planet

kyst

innsjø

skog

ørken

bakke

stein
natur

elv

dal

fjell

øy

hav

sjø

is

snø

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

storm

regn

vind

tre

gress

rose

blomst
generell

metall

jord

lava

kull

sand

leire

rakett

satellitt

galakse

asteroide

kontinent

ekvator

sydpol

nordpol

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

bekk

regnskog

hule

foss

breidd

isbre

jordskjelv

krater

vulkan

atmosfære

oversvømmelse

tåke

regnbue

torden

lyn

tordenvær

temperatur

tyfon

orkan

sky

grein

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

blad

rot

stamme

frø

plast

karbondioksid

atom

jern

oksygen

gull

sølv

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Transport

bil

buss

tog

togstasjon

busstopp

fly

skip

lastebil

sykkel

motorsykkel

drosje

trafikklys

parkeringsplass

vei

batteri

motor
bil

airbag

ratt

setebelte

dekk

bagasjerom

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

billettautomat

billettkontor

T-bane

høyhastighetstog

lokomotiv

trikk

skolebuss

minibuss

flyplass

flyselskap

helikopter

førsteklasse

økonomiklasse

businessklasse

redningsvest

container

ubåt

cruiseskip

containerskip

yacht

ferje

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

havn

livbåt

radar

gatelykt

fortau

bensinstasjon

byggplass

fotgjengerfelt

trafikkork

motorvei

stridsvogn

gravemaskin

traktor

tilhenger

scooter

taubane

ra đũa

xuống cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-moóc

máy kéo

xe cáp treo

By

sykehus

skole

hus

regning

marked

supermarked

leilighet

universitet

gård

kirke

restaurant

bar

gym

park

toalett
offentlig

kart

ambulanse

politi

brannvesen

land

forstad

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

landsby

garanti

kjøpesenter

apotek

skyskraper

slott

ambassade

synagoge

tempel

fabrikk

moské

rådhus

postkontor

fontene

nattklubb

benk

golfbane

fotballstadion

svømmebasseng
bygning

tennisbane

turistinformasjon

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

kasino

kunstgalleri

museum

nasjonalpark

suvenir

akvarium

vannsklie

berg og dalbane

vannpark

dyrehage

lekeplass

nødutgang
bygning

brannalarm

brannslukker

politistasjon

stat

region

hovedstad

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Sykehus

ulykke

pasient

operasjon

pille

feber

hoste

legevakt

intensivavdeling

venterom

aspirin

sovepille

utløpsdato

dosering

hostesaft

bivirkning

insulin

pulver

kapsel

vitamin

smertestillende middel

antibiotika

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

bakterie

virus

hjerterinfarkt

diaré

diabetes

hjerneslag

astma

kreft

influensa

tannverk

solbrenthet

sår hals

mageknip

infeksjon

allergi

krampe

hodepine

sprøyte
verktøy

krykke

røntgenbilde

ultralysmaskin

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quy

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

plaster

rullestol

gips

puls

skade

nødsituasjon

hjernerystelse

brannså

brudd

P-pille

graviditetstest

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Jobber

doktor

sykepleier

politimann

president

kaptein

detektiv

pilot

professor

lærer

advokat

sekretær

assistent

dommer
domstol

sjef

kokk

drosjesjåfør

bussjåfør

modell

artist

statsminister

farmasøyt

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

brannmann

tannlege

entreprenør

politiker

programmerer

flyvertinne

forsker

barnehagelærer

arkitekt

regnskapsfører

konsulent

aktor

daglig leder

livvakt

huseier

kelner

sikkerhetsvakt

soldat

fisker

rengjører

rørlegger

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

elektriker

bonde

resepsjonist

postbud

kasserer

frisør

forfatter

journalist

fotograf

badevakt

sanger

musiker

skuespiller

reporter

trener

dommer
sport

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Forretninger

penger

kontor

stress

forsikring

personale

avdeling

lønn

adresse

brev

telefonnummer

url

e-postadresse

nettside

e-post

signatur

tap

fortjeneste

kunde

beløp

kredittkort

passord

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

minibank

avgift

møterom

visittkort

IT

personalavdeling

juridisk avdeling

regnskap

markedsføring

salg

kollega

arbeidsgiver

ansatt

notat

presentasjon

perm

stempel

projektor

pakke
post

frimerke

konvolutt

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

nettleser

investering

børs

seddel

mynt

rente

lån

kontonummer

bankkonto

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Apparater

telefon

fjernsynsapparat

kamera

radio

vifte

klimaanlegg

kaffetrakter

brødrister

støvsuger

hårføner

vannkoker

oppvaskmaskin

komfyr

ovn

mikrobølgeovn

kjøleskap

vaskemaskin

fjernkontroll

øretelefon

mus
datamaskin

tastatur

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

harddisk

minnepenn

skanner

printer

skjerm

laptop

robot

høyttaler

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt